

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày 22/9/2023.

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền và ông Lý Ba Duy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ma Thế K (Dương Thế K), sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm DD, xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn:

1. Ông Hoàng Xuân T (vắng mặt);

2. Ông Dương Văn H (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm XT, xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Dương Văn M (vắng mặt);

4. Ông Dương Văn Q (vắng mặt);

5. Bà Đặng Thị K (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm DD, xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị T (vắng mặt);

2. Bà Đỗ Thị U (vắng mặt);

3. Bà Hoàng Thị H1 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm XT, xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

4. Bà Dương Thị L (vắng mặt);

5. Ông Dương Văn P (vắng mặt);

6. Bà Bé Thị L (vắng mặt);

7. Bà Dương Thị T (vắng mặt);
 8. Ông Triệu Đức A (vắng mặt);
 9. Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1960 (*Ủy quyền cho ông Ma Thế K*);
- Cùng địa chỉ: Xóm DD, xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Ma Thế K (tức Dương Thế K) trình bày:**

Năm 1995 khi Nhà nước có chủ trương giao đất, giao rừng cho người dân, ông K đã làm đơn xin nhận đất rừng để quản lý, sử dụng và đã được Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai cấp Quyết định giao đất, giao rừng số 1952/QĐ-UB ngày 01/11/1995. Theo Quyết định này, ông Dương Thế K được giao đất để trồng cây trên diện tích 33,067 ha thuộc vị trí các thửa số 7-Ib, 8-Ib khoảnh 7, thửa số 9-Ib khoảnh 6 tiểu khu 342 Bản đồ giao đất giao rừng xã PG, huyện Võ Nhai.

Năm 1998 ông K được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998 diện tích 330.670 m² đất rừng (T.R) tại các vị trí như Quyết định giao đất, giao rừng số 1952.

Năm 2015 ông K phát bãi để trồng cây thì xảy ra tranh chấp với ông Hoàng Xuân T, ông Dương Văn H, ông Dương Văn M, ông Dương Văn Q và bà Đặng Thị K. Ông cho rằng những người này đã trồng cây lên phần diện tích đất mà ông được Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất nên làm đơn khởi kiện yêu cầu 5 người trên di dời toàn bộ cây trồng trên đất, trả lại diện tích đất đang tranh chấp tại lô 7, lô 8, khoảnh 7, tiểu khu 342 tờ bản đồ giao đất giao rừng, diện tích khoảng 32.247 m² để ông tiếp tục quản lý và sử dụng.

Theo kết quả đo đạc thẩm định ngày 24/7/2023, diện tích đất các cá nhân tranh chấp với ông K đều nằm trong thửa số 8, khoảnh 7, tiểu khu 342 thuộc bản đồ giao đất giao rừng xã PG, cụ thể:

1. Ông Hoàng Xuân T đang sử dụng 5.537,8 m².
2. Ông Dương Văn H đang sử dụng 4.050,9 m².
3. Ông Dương Văn M đang sử dụng 6.918,9 m².
4. Ông Dương Văn Q đang sử dụng 13.205,2 m².
5. Bà Đặng Thị K đang sử dụng 4.272,2 m².

Ông Ma Thế K đã làm đơn đề nghị UBND xã PG giải quyết, hòa giải cơ sở nhưng không có kết quả nên đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc các ông bà đang sử dụng đất trong phần đất rừng ông K được cấp phải di dời, thu hoạch cây trồng trên đất để trả lại diện tích đất tranh chấp.

Những tài liệu, chứng cứ là bản sao ông K đã nộp tại Tòa án gồm có:

1. Đơn đề nghị về việc giải quyết tranh chấp đất đai;
2. Biên bản xác minh của UBND xã PG;
3. Biên bản đo đạc diện tích tranh chấp;
4. Quyết định thành lập hội đồng hòa giải tranh chấp đất;

5. Sơ đồ vị trí đất tranh chấp;
6. Biên bản đo đạc diện tích đất tranh chấp ngoài thực địa;
7. Biên bản làm việc về việc hòa giải tranh chấp đất lần I;
8. Biên bản làm việc về việc hòa giải tranh chấp đất lần II;
9. Hồ sơ giao đất giao rừng số 1952, cấp ngày 01/11/1995;
10. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998 mang tên ông Dương Thế K;
11. Căn cước công dân;
12. Quyết định thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc.

*** Theo biên bản lấy lời khai, các bị đơn trình bày như sau:**

- Ông Hoàng Xuân T trình bày: Nguồn gốc đất có từ năm 1993 do ông và bà Dương Thị T cùng nhau khai phá và sử dụng trồng cây đến nay. Quá trình sử dụng đất từ năm 1993 đến năm 2014 gia đình ông trồng lúa nước, trồng sắn, từ năm 2014 đến nay trồng cây keo. Hiện nay trên đất có khoảng hơn 3000 cây keo của vợ chồng ông trồng. Khi Nhà nước tiến hành giao đất, giao rừng thì đất của gia đình ông không phải là đất rừng nên ông không kê khai để nhận, đến năm 1998 ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông cũng không biết. Nay ông K yêu cầu ông di dời cây và trả đất cho ông K ông không đồng ý. Ông T không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất.

- Ông Dương Văn H trình bày: Nguồn gốc đất có từ năm 1990 do bố mẹ ông là ông Dương Văn L (đã chết) và bà Đỗ Thị U cùng nhau khai phá và sử dụng. Từ năm 1990 đến năm 2009 bố mẹ ông trồng lúa nương và sắn, đến năm 2009 ông H lấy vợ thì bố mẹ ông chia khu đất này cho vợ chồng ông H để quản lý và sử dụng. Từ năm 2009 đến năm 2023 vợ chồng ông H có trồng 3000 cây keo và đã khai thác, đến tháng 3 năm 2023 vợ chồng ông H đã trồng 1500 cây bạch đàn. Nay ông K yêu cầu ông di dời cây và trả đất cho ông K ông không đồng ý. Ông H không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất.

- Ông Dương Văn M trình bày: Nguồn gốc đất có từ khoảng năm 1990 do bố mẹ ông là ông Dương Văn P và bà Dương Thị L khai phá và sử dụng. Đến năm 1999 ông M lập ra đình thì bố mẹ ông chia cho ông khu đất này. Từ năm 1999 đến năm 2014 ông M và vợ trồng vừng, từ năm 2014 đến nay trồng khoảng 3000 cây keo. Nay ông K yêu cầu ông di dời cây và trả đất cho ông K ông không đồng ý. Ông M không cung cấp được tài liệu gì chứng minh quyền sử dụng đất.

- Ông Dương Văn Q trình bày: Nguồn gốc đất có từ năm 1990 do ông và bà Dương Thị T cùng nhau khai phá và sử dụng trồng cây đến nay. Quá trình sử dụng đất từ năm 1990 đến năm 2013 gia đình ông trồng xoan, từ năm 2013 đến nay trồng cây keo. Hiện nay trên đất có khoảng hơn 5000 cây keo của vợ chồng ông trồng. Khi tiến hành giao đất, giao rừng Nhà nước có kêu gọi các hộ dân ai có đất thì đến nhận, khi ông Q đến kê khai nhận đất thì được biết là ông K đã đến nhận đất rồi. Nay ông K yêu cầu ông di dời cây và trả đất cho ông K, ông không đồng ý. Ông Q không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất.

- Bà Đặng Thị K trình bày: Nguồn gốc đất có từ năm 1992 do bà và ông Triệu Đức A là chồng bà cùng nhau khai phá và sử dụng. Quá trình sử dụng đất từ năm 1992 đến năm 2014 gia đình bà trồng lúa nước, từ năm 2014 đến nay trồng cây keo. Hiện nay trên đất có khoảng hơn 3000 cây keo của vợ chồng bà trồng. Nay ông K yêu cầu bà di dời cây và trả đất cho ông K bà không đồng ý. Bà K không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất..

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Bà Dương Thị T (vợ ông Dương Văn Q): Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông K và ông Q là của bà và ông Q cùng nhau khai phá và sử dụng từ năm 1990 đến nay, trên đất là cây trồng của vợ chồng bà, không phải của ông K. Ông bà không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất. Nay ông K yêu cầu ông Q di dời cây và trả lại diện tích đất đang tranh chấp bà không đồng ý.

- Ông Triệu Đức A (chồng bà Đặng Thị K): Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông K và bà K là của ông và bà Đặng Thị K cùng nhau khai phá và trồng cây, trên đất là cây keo của vợ chồng ông bà. Ông bà không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất. Nay ông K yêu cầu bà K di dời cây và trả lại diện tích đất đang tranh chấp ông không đồng ý.

- Bà Dương Thị T (vợ ông Hoàng Xuân T): Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông K và ông T là của bà và ông T cùng nhau khai phá và sử dụng liên tục từ năm 1993 đến nay, trên đất là cây keo của vợ chồng bà, không phải của ông K. Ông bà không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất. Nay ông K yêu cầu ông T di dời cây và trả lại diện tích đất đang tranh chấp bà không đồng ý.

- Ông Dương Văn P và bà Dương Thị L (bố mẹ đẻ của anh Dương Văn M): Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông K và anh M có nguồn gốc từ năm 1990 do ông Phùng và bà Lại cùng nhau khai phá và sử dụng, đến năm 1999 anh M lập gia đình nên đã chia cho anh M khu đất này. Khi chia đất ông bà chỉ nói là chia cho anh M, ông bà không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất. Nay ông K yêu cầu anh M di dời cây và trả lại diện tích đất đang tranh chấp ông bà không đồng ý.

- Bà Bé Thị L (vợ ông Dương Văn M): Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông K và ông M là của bố mẹ chồng bà là ông Dương Văn P và bà Dương Thị L cùng nhau khai phá và sử dụng. Đến năm 1999 bà lấy ông M thì được bố mẹ chồng bà chia cho khu đất này, trên đất là cây keo của vợ chồng bà, không phải của ông K. Ông bà không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất. Nay ông K yêu cầu ông M di dời cây và trả lại diện tích đất đang tranh chấp bà không đồng ý.

- Bà Đỗ Thị U (mẹ đẻ của anh Dương Văn H): Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông K và anh H có nguồn gốc từ năm 1990 do ông Dương Văn L (đã chết) và bà U cùng nhau khai phá và sử dụng, đến năm 2009 anh H lập gia đình nên đã chia cho anh H khu đất này. Khi chia đất bà chỉ nói là chia cho anh H, ông bà không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất. Nay ông K yêu cầu anh H di dời cây và trả lại diện tích đất đang tranh chấp bà không đồng ý.

- Bà Hoàng Thị H1 (vợ ông Dương Văn H): Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông K và anh H có nguồn gốc từ năm 1990 do bố mẹ chồng bà là ông Luật và bà U

cùng nhau khai phá và sử dụng, đến năm 2009 bà và ông H lấy nhau nên mẹ chồng bà đã chia cho vợ chồng bà khu đất này. Khi chia đất bà U chỉ nói là chia cho vợ chồng bà chứ không có giấy tờ gì về việc chia đất, ông bà không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất. Nay ông K yêu cầu ông H di dời cây và trả lại diện tích đất đang tranh chấp bà không đồng ý.

Quan điểm của các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai:

- Tại Công văn số 131/CV-UBND ngày 28/8/2023, Ủy ban nhân dân xã PG, huyện Võ Nhai xác định: Diện tích đất đang tranh chấp tại lô 7, lô 8, khoảnh 7, tiểu khu 342 tờ bản đồ giao đất giao rừng có nằm trong quy hoạch sử dụng đất xã PG giai đoạn 2021-2030. Căn cứ vào sổ theo dõi tại UBND xã PG 05 bị đơn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí đang tranh chấp.

- Tại Công văn số 2437/UBND-TNMT ngày 31/8/2023 của UBND huyện Võ Nhai xác định: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày cấp 16/12/1998 mang tên ông Dương Thế K được thực hiện theo quy định tại Điều 2, Luật đất đai năm 1993; Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất lâm nghiệp; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 về hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua kiểm tra đối chiếu theo quy hoạch 03 loại rừng đối với lô 8, khoảnh 7, tiểu khu 342 bản đồ giao đất giao rừng xã PG vị trí lô rừng trên là đất ngoài quy hoạch 03 loại rừng. Theo Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ tướng chính phủ quy hoạch là rừng sản xuất và không có trong kế hoạch sử dụng đất của huyện Võ Nhai. Tại vị trí lô 8 đối chiếu với bản đồ địa chính số 02 xã PG đo đạc năm 2006 chính lý năm 2013 là các thửa 194, 169, 151, 133, 119, 137.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Thế K, công nhận quyền sử dụng đất cho ông K theo Giấy CNQSD đất ông K đã được cấp. Buộc các bị đơn phải di dời toàn bộ số cây đã trồng trên các phần đất tranh chấp theo Biên bản thẩm định để trả đất cho ông K. Về chi phí tố tụng và án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghe các bên tranh luận, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ông Ma Thế K khởi kiện các bị đơn, gồm: ông Hoàng Xuân T, ông Dương Văn H, ông Dương Văn M, ông Dương Văn Q và bà Đặng Thị K, yêu cầu các bị đơn di dời toàn bộ cây trồng, trả lại diện tích đất rừng đang tranh chấp mà ông K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Xóm DD, xã PG, huyện VN. Việc tranh chấp đất đã được UBND xã PG hòa giải cơ sở nhưng không đạt kết quả. Căn cứ các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên họ đều vắng mặt tại Tòa án trong các lần triệu tập ghi lời khai, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt trong các lần Tòa án tổ chức thẩm định và định giá tài sản. Tòa án cũng đã mở phiên tòa lần thứ nhất vắng mặt họ không có lý do, tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù vắng mặt các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

Theo Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 30/5/2006 của UBND huyện Võ Nhai về thay đổi, cải cách hộ tịch, xác định lại dân tộc quyết định thay đổi họ của ông K từ Dương Thế K thành Ma Thế K, từ dân tộc Kinh thành dân tộc Tày.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Ma Thế K đề nghị Tòa án buộc các bị đơn là ông Hoàng Xuân T, ông Dương Văn H, ông Dương Văn M, ông Dương Văn Q và bà Đặng Thị K thu hoạch, di dời toàn bộ cây trồng trên đất, trả lại ông diện tích đất đang tranh chấp. Hội đồng xét xử, thấy rằng:

[1]. Về căn cứ pháp lý: Ngày 01/11/1995, UBND huyện Võ Nhai đã có quyết định giao đất, giao rừng cho ông Dương Thế K với tổng diện tích 33,067 ha tại vị trí các thửa đất số 7-Ib, 8-Ib khoảnh 7, thửa số 9-Ib khoảnh 6 tiểu khu 342 Bản đồ giao đất giao rừng xã PG, huyện Võ Nhai. Ngày 16/02/1998 Ông Dương Thế K được UBND huyện Võ Nhai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 với tổng diện tích 330.670 m² tại các vị trí nêu trên.

Tại Công văn số 2437/UBND-TNMT ngày 31/8/2023 của UBND huyện Võ Nhai xác định: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày cấp 16/12/1998 mang tên ông Dương Thế K được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 2, Luật đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn.

[2]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Nguyên đơn xác định trước năm 1995 phần đất đang tranh chấp với 5 bị đơn là đất tự nhiên, năm 1995 khi Nhà nước tiến hành giao đất, giao rừng thì ông K làm đơn xin nhận đất, nhận rừng để quản lý và sử dụng, không có ai tranh chấp và ông K được cấp hồ sơ giao đất giao rừng, Quyết định giao đất, giao rừng số 1952/QĐ-UB ngày 01/11/1995 của UBND huyện Võ Nhai. Đến năm 1998 được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998 mang tên ông Dương Thế K. Từ khi được cấp đất thì ông K chỉ khoanh nuôi giữ đất, đến năm 2015 xảy ra tranh chấp.

Các bị đơn là ông Hoàng Xuân T, ông Dương Văn Q và bà Đặng Thị K cho rằng diện tích đất ông K đang tranh chấp với từng hộ gia đình là do các ông, bà tự mình khai phá, sử dụng và trồng cây từ khoảng năm 1990 đến nay. Ông Dương Văn H và ông Dương Văn M cho rằng diện tích đất đang tranh chấp với ông K do bố mẹ các ông khai phá và sử dụng, đến khi ông H và ông M lập gia đình thì mới được bố mẹ chia cho khu đất đang tranh chấp. Cả 5 bị đơn đều không có giấy tờ gì chứng minh về nguồn gốc đất và quyền sử dụng đất tại 5 vị trí đang tranh chấp. Hiện nay trên đất chỉ có cây trồng là keo và bạch đàn của 5 bị đơn.

[3]. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp: Năm 2015 khi ông K tiến hành phát bãi để trồng cây, sau khi phát xong thì ông T, ông H, ông M mang cây keo đến trồng tại các vị trí tranh chấp, sau đó có ông Q, bà K khi thấy ông K phát bãi thì cũng đến để phát các khu đất bên cạnh để trồng cây. Ông K đã có ý kiến với các bị đơn để đòi đất nhưng họ không chấp nhận nên đã làm đơn đề nghị giải quyết.

[4]. Vị trí tranh chấp: Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2023 và Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo đã xác định được vị trí đất tranh chấp giữa ông K với các bị đơn cụ thể như sau:

- Khu (1): Diện tích đất tranh chấp với bà Đặng Thị K là 4.272,2 m², được xác định vị trí hình thửa từ 1-25-1 nằm trong lô 8-Ib, khoảnh 7, tiểu khu 342 bản đồ giao đất giao rừng xã PG. Đối chiếu với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp, có 31,1 m² thuộc thửa 129; 215,4 m² thuộc thửa 133; 4.025,7 m² thuộc thửa 151 tờ bản đồ số 2. Loại đất: Rừng sản xuất.

Trên đất có 710 cây gỗ keo có đường kính trung bình gốc 20 cm (cây đã đến K thu hoạch).

- Khu (2): Diện tích đất tranh chấp với ông Hoàng Xuân T là 5.537,8 m², được xác định vị trí hình thửa từ 26-49-26 nằm trong lô 8-Ib, khoảnh 7, tiểu khu 342 bản đồ giao đất giao rừng xã PG. Đối chiếu với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp thuộc thửa 151, tờ bản đồ số 2. Loại đất: Rừng sản xuất.

Trên đất có 920 cây gỗ keo có đường kính trung bình gốc từ 8-12cm

- Khu (3): Diện tích đất tranh chấp với ông Dương Văn M là 6.918,9 m², được xác định vị trí hình thửa từ 50-68-36-35-34-33-50 nằm trong lô 8-Ib, khoảnh 7, tiểu khu 342 bản đồ giao đất giao rừng xã PG. Đối chiếu với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp thuộc thửa 151, tờ bản đồ số 2. Loại đất: Rừng sản xuất.

Trên đất có 1.148 cây gỗ keo có đường kính trung bình gốc từ 10-15cm.

- Khu (4): Diện tích đất tranh chấp giữa ông K với ông Dương Văn H là 4.050,9 m², được xác định vị trí hình thửa từ 99-117-99 nằm trong lô 8-Ib, khoảnh 7, tiểu khu 342 bản đồ giao đất giao rừng xã PG. Đối chiếu với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp có 1.254,8 m² thuộc thửa 150; 2.321,7 m² thuộc thửa 151; 474,4 m² thuộc thửa 194, tờ bản đồ số 2. Loại đất: Rừng sản xuất.

Trên đất có 672 cây gỗ bạch đàn có đường kính gốc trung bình từ 1-2cm

- Khu (5): Diện tích đất tranh chấp với ông Dương Văn Q là 13.205,2 m², được xác định vị trí hình thửa từ 69-108-118-119-69 nằm trong lô 8-Ib, khoảnh 7, tiểu khu 342 bản đồ giao đất giao rừng xã PG. Đối chiếu với bản đồ địa chính đất lâm

nghiệp có 12.092,8 m² thuộc thửa 151; 1.014,6 m² thuộc thửa 169; 97,8 m² thuộc thửa 194, tờ bản đồ số 2. Loại đất: Rừng sản xuất.

Trên đất có 1.096 cây keo có đường kính trung bình gốc từ 6-7cm, 1096 cây keo có đường kính trung bình gốc từ 10-15 cm.

[5] Giá trị tài sản tranh chấp: Tại biên bản định giá ngày 24/7/2023, Hội đồng định giá đã xác định giá trị tài sản tranh chấp như sau:

* Về quyền sử dụng đất: Đất rừng sản xuất có giá trị 12.000 đồng/1 m².

- Khu (1): Giá trị là 4.272,2 m² x 12.000 đồng/1 m² = 51.266.400 đồng.

- Khu (2): Giá trị là 5.537,8 m² x 12.000 đồng/1 m² = 66.453.600 đồng.

- Khu (3): Giá trị là 6.918,9 m² x 12.000 đồng/1 m² = 83.026.800 đồng.

- Khu (4): Giá trị là 4.050,9 m² x 12.000 đồng/1 m² = 48.610.800 đồng.

- Khu (5): Giá trị là 13.205,2 m² x 12.000 đồng/1 m² = 158.462.400 đồng.

* Về tài sản trên đất:

- 710 cây keo của bà Đặng Thị K có giá trị là 35.145.000 đồng.

- 920 cây keo của ông Hoàng Xuân T có giá trị là 32.200.000 đồng.

- 1.148 cây keo của ông Dương Văn M có giá trị là 56.826.000 đồng.

- 672 cây bạch đàn của ông Dương Văn H có giá trị là 5.040.000 đồng.

- 2.192 cây keo của ông Dương Văn Q có giá trị là 92.612.000 đồng.

[6]. Xét yêu cầu khởi kiện: Qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, thấy rằng các bị đơn là ông Hoàng Xuân T, ông Dương Văn H, ông Dương Văn M, ông Dương Văn Q và bà Đặng Thị K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không xuất trình được bất K một loại tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh quyền sử dụng đất của mình tại vị trí đất tranh chấp. Trên thực tế các bị đơn đang sử dụng đất không có căn cứ pháp luật để trồng cây trên phần đất của ông Ma Thế K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

Tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định về Quyền đòi lại tài sản, cụ thể: “1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.”.

Ông Ma Thế K khởi kiện các bị đơn để đòi lại quyền sử dụng đất là có cơ sở, cần buộc các bị đơn ông Hoàng Xuân T, ông Dương Văn H, ông Dương Văn M, ông Dương Văn Q và bà Đặng Thị K phải di dời, thu hoạch toàn bộ cây trồng trên đất tại các vị trí cụ thể đã được thẩm định, định giá nêu trên để trả lại quyền sử dụng đất đang tranh chấp tại vị trí thuộc lô 8-Ib, khoảnh 7, tiểu khu 342 bản đồ giao đất giao rừng xã PG đã được UBND huyện Võ Nhai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998 cho ông Ma Thế K là phù hợp.

[7]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng gồm lệ phí thẩm định tại chỗ: 5.000.000 đồng; lệ phí định giá tài sản: 5.000.000 đồng, quá trình thẩm định, định giá đã chi hết 8.000.000 đồng. Số tiền chưa chi hết đã trả lại cho nguyên đơn (có văn bản quyết toán). Nguyên đơn cũng đã chi phí thuê đơn vị đo vẽ

hết số tiền 15.070.000 đồng (có hóa đơn hợp lệ). Như vậy tổng số tiền Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí tố tụng là 23.070.000 đồng. Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ khoản 1 các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự thì trong vụ án này các bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên cần buộc các bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên tương ứng theo tỷ lệ phần giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp, cụ thể:

Bà Đặng Thị K phải thanh toán 2.900.093 đồng (trong đó 502.833,6 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, 502.833,6 đồng tiền chi phí định giá tài sản và 1.894.426 đồng tiền chi phí đo vẽ bản đồ).

Ông Hoàng Xuân T phải thanh toán 3.759.219 đồng (trong đó 651.793,44 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, 651.793,44 đồng tiền chi phí định giá tài sản và 2.455.632 đồng tiền chi phí đo vẽ bản đồ).

Ông Dương Văn M phải thanh toán 4.696.749 đồng (trong đó 814.347,51 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, 814.347,51 đồng tiền chi phí định giá tài sản và 3.068.054 đồng tiền chi phí đo vẽ bản đồ).

Ông Dương Văn H phải thanh toán 2.749.868 đồng (trong đó 476.786,82 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, 476.786,82 đồng tiền chi phí định giá tài sản và 1.796.294 đồng tiền chi phí đo vẽ bản đồ).

Ông Dương Văn Q phải thanh toán 8.964.071 đồng (trong đó 1.554.238,63 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, 1.554.238,63 đồng tiền chi phí định giá tài sản và 5.855.594 đồng tiền chi phí đo vẽ bản đồ).

[8]. Về án phí: Ông Hoàng Xuân T, ông Dương Văn H, ông Dương Văn M, ông Dương Văn Q và bà Đặng Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp đối với từng người (biên bản định giá ngày 24/7/2023) theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho ông Ma Thế K tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về tranh chấp quyền sử dụng đất là phù hợp cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 115, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 100, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; Luật phí, lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ma Thế K (Dương Thế K) đối với các bị đơn là ông Hoàng Xuân T, ông Dương

Văn H, ông Dương Văn M, ông Dương Văn Q và bà Đặng Thị K về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

1.1. Buộc bà Đặng Thị K thu hoạch, di dời 710 cây gỗ keo có giá trị 35.145.000 đồng, trả lại cho ông Ma Thế K 4.272,2 m² đất rừng sản xuất có vị trí tại thửa (1) theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2023 do Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên, môi trường và xây dựng số 6 đo vẽ, hình thửa từ điểm 1, 2, 3, ... 25, 1, nằm trong thửa số 08, tờ bản đồ 342/7 diện tích 201.850m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998.

1.2. Buộc ông Hoàng Xuân T thu hoạch, di dời 920 cây gỗ keo có giá trị 32.200.000 đồng, trả lại cho ông Ma Thế K 5.537,8 m² đất rừng sản xuất có vị trí tại thửa (2) theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2023 do Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên, môi trường và xây dựng số 6 đo vẽ, hình thửa từ điểm 26, 27, 28, ... 48, 49, 26, nằm trong thửa số 08, tờ bản đồ 342/7 diện tích 201.850m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998.

1.3. Buộc ông Dương Văn M thu hoạch, di dời 1.148 cây gỗ keo có giá trị 56.826.000 đồng, trả lại cho ông Ma Thế K 6.918,9 m² đất rừng sản xuất có vị trí tại thửa (3) theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2023 do Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên, môi trường và xây dựng số 6 đo vẽ, hình thửa từ điểm 50, 51, ..., 68, 36, 35, 34, 33, 50, nằm trong thửa số 08, tờ bản đồ 342/7 diện tích 201.850m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998.

1.4. Buộc ông Dương Văn H thu hoạch, di dời 672 cây gỗ bạch đàn có giá trị 5.040.000 đồng, trả lại cho ông Ma Thế K 4.050,9 m² đất rừng sản xuất có vị trí tại thửa (4) theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2023 do Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên, môi trường và xây dựng số 6 đo vẽ, hình thửa từ điểm 99, 100, ..., 117, 99, nằm trong thửa số 08, tờ bản đồ 342/7 diện tích 201.850m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998.

1.5. Buộc ông Dương Văn Q thu hoạch, di dời 2.192 cây gỗ keo có giá trị 92.612.000 đồng, trả lại cho ông Ma Thế K 13.205,2 m² đất rừng sản xuất có vị trí tại thửa (5) theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2023 do Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên, môi trường và xây dựng số 6 đo vẽ, hình thửa từ điểm 69, 70, ..., 108, 118, 119, 69, nằm trong thửa số 08, tờ bản đồ 342/7 diện tích 201.850m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998.

(Có bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo).

2. Chi phí tố tụng: Các bị đơn gồm ông Hoàng Xuân T, ông Dương Văn H, ông Dương Văn M, ông Dương Văn Q và bà Đặng Thị K phải thanh toán cho ông Ma Thế K tiền chi phí thẩm định, đo vẽ bản đồ và định giá tài sản, tổng là 23.070.000 đồng, cụ thể: Bà Đặng Thị K phải thanh toán 2.900.093 đồng; Ông

Hoàng Xuân T phải thanh toán 3.759.219 đồng; Ông Dương Văn M phải thanh toán 4.696.749 đồng; Ông Dương Văn H phải thanh toán 2.749.868 đồng; Ông Dương Văn Q phải thanh toán 8.964.071 đồng.

3. Án phí:

3.1. Buộc bà Đặng Thị K phải chịu 2.563.320 đồng; ông Hoàng Xuân T phải chịu 3.322.680 đồng; ông Dương Văn M phải chịu 4.151.340 đồng; ông Dương Văn H phải chịu 2.430.540 đồng; ông Dương Văn Q phải chịu 7.923.120 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

3.2. Ông Ma Thế K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền: 9.677.000 đồng (*chín triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0003513 ngày 18/5/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt ủy quyền cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND hai cấp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- Các đương sự;
- UBND huyện Võ Nhai;
- UBND xã PG;
- Lưu HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tất Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA